

Phụ lục 6
Bảng mục tiêu cụ thể của thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng 6 năm 2025)

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|-----------|--|---|--|
| I | Phát triển hạ tầng | | |
| 1 | Tỷ lệ phủ sóng 5G | $\geq 60\%$ | Tính đến 15/5/2025, Thành phố đã triển khai được 2.563 trạm BTS 5G, ước tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân đạt 40,73% |
| 2 | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s | Có $\geq 60\%$ | Các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai hạ tầng, công nghệ để cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định tốc độ cao đến 100% địa bàn khu phố/ấp. Sẵn sàng đáp ứng tốc độ >1.0 Gbps cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi có yêu cầu. |
| 3 | Trung tâm an ninh mạng cấp Thành phố giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống | Có (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin) | Có thuê dịch vụ giám sát, ứng cứu sự cố cho Trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, dịch vụ giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ thiết bị đầu cuối của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố |
| II | Phát triển nguồn lực | | |
| 1 | Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho KH-CN, ĐMST | $\geq 1,5\%$ | Khoảng 1.5% tổng chi ngân sách Thành phố Năm 2025, tổng chi ngân sách Thành phố là 172.812,72 tỷ đồng. Tổng kinh phí đã được bố trí cho lĩnh vực KH&CN, ĐMST, CDS (bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển) là 2.592 tỷ đồng, chiếm khoảng 1.5% tổng chi ngân sách Thành phố, trong đó: |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|------------|---|-------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Chi thường xuyên: 1.803,57 tỷ đồng (bao gồm chi cho KH&CN là 575,56 tỷ đồng và chi cho CNTT, CDS là 1.228,02 tỷ đồng). - Chi đầu tư phát triển: 788,74 tỷ đồng (bao gồm chi cho KH&CN là 739,45 tỷ đồng và chi cho CNTT, CDS là 49,29 tỷ đồng). |
| 2 | Tỷ lệ chi cho KH-CN, ĐMST và CDS trên GRDP | Đạt 2% | Ước 2025: 1,6% GRDP (ước GRDP 2025: 1.700.000 tỷ đồng) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư cho KH&CN từ Doanh nghiệp : 16.000 tỷ - Đầu tư R&D từ FDI: 4.918 tỷ đồng - Đầu tư hạ tầng R&D như phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, mua sắm máy móc thiết bị: 1.669 tỷ đồng - Đầu tư R&D của khởi nghiệp, ĐMST: 1.800 tỷ - Đào tạo nhân lực R&D khối trường đại học, viện nghiên cứu: 2.500 tỷ đồng - Nhiệm vụ khoa học và công nghệ: khoảng 270 tỷ |
| 3 | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản | ≥ 80% | 100% |
| 4 | Tỷ lệ cán bộ, công chức Thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản | 100% | 100% |
| 5 | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành | 80% | 100% |
| 6 | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số (y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông) | 80% | // |
| 7 | Tỷ lệ người thực hiện công tác nghiên cứu KH, phát triển CN, ĐMST trên 01 vạn dân | ≥ 10 người | // |
| III | Phát triển khoa học, công nghệ | | |
| 1 | Tỷ lệ đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế | - | Giai đoạn 2021-2025: 50,8% Ước giai đoạn 2026 - 2030: 60% |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|-----|---|--|--|
| 2 | Số lượng cán bộ nghiên cứu KH&CN toàn Thành phố | ≥ 1.000 | 24.498 |
| 3 | Số lượng doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn | ≥ 60 | 127 |
| 4 | Số lượng tổ chức KH&CN công lập trực thuộc TP | ≥ 10 | 13 |
| 5 | Số lượng công trình KH&CN cấp thành phố được nghiệm thu (Mỗi năm) | ≥ 20 | Năm 2023: 94; Năm 2024: 33 6 tháng đầu năm 2025: 15 |
| 6 | Số lượng nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố triển khai (Mỗi năm) | ≥ 30 | Năm 2023: 34; Năm 2024: 122 6 tháng đầu năm 2025: 18 |
| 7 | Tỷ lệ kết quả KH&CN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu | $\geq 40\%$ | Hơn 90% kết quả nhiệm vụ KH&CN đều được ứng dụng, đến nay có hơn 60% nhiệm vụ ứng dụng trực tiếp cho doanh nghiệp, sở ban ngành |
| 8 | Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích của chủ thể tại Thành phố (Mỗi năm) | ≥ 30 | 194 đơn (số liệu từ đầu năm đến hết tháng 5/2025) |
| 9 | Phần đầu có TỶ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh | $\geq 10\%$ | 60% nhiệm vụ ứng dụng trực tiếp cho doanh nghiệp, sở ban ngành |
| 10 | Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại Thành phố được đăng trên hệ thống Scopus/ISI (Mỗi năm) | ≥ 2.000 | Toàn Thành phố hiện có 14.271 bài báo khoa học, trong đó có 10.435 bài báo công bố quốc tế (tạp chí SCOPUS; tạp chí ISI và các tạp chí khác) và 3.836 bài báo công bố trên các tạp chí trong nước (2.329 bài báo đăng trên các tạp chí được tính điểm trong danh mục do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công bố) |
| 11 | Số lượng công trình đạt giải thưởng KH&CN cấp quốc gia/khu vực (Mỗi năm) | ≥ 01 | // |
| 12 | Ứng dụng công nghệ hiện đại | Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS... trong quản lý môi trường (đo quan trắc môi trường, quản lý đất đai, ...), đô thị thông minh (IOC, | TP đã triển khai nhiều ứng dụng Gis trong quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng, y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp...: - Các nền tảng HCMGIS (11 nền tảng) phục vụ ứng dụng GIS trong quản lý nhà nước - Hệ thống quản lý dữ liệu, điều hành phường, xã - Hệ thống quản lý sáng kiến - Hệ thống quản lý tiềm lực Khoa học và công nghệ |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|-----|--------------------|---|--|
| | | <p>Hệ thống camera thông minh, ...), y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử, đề án y tế thông minh, ...), giáo dục (đào tạo AI cho học sinh các cấp, giáo dục thông minh, ...); nâng cao chất lượng sống người dân (app công dân số, ...)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống GIS quản lý các lĩnh vực nông nghiệp (rau, hoa kiểng, thủy sản, chăn nuôi và thú y, lâm sản, động vật hoang dã, quản lý rừng) - Hệ thống quản lý tập trung các đơn vị kinh tế - Hệ thống GIS quản lý Khu công nghiệp – Khu chế xuất - Hệ thống GIS quản lý ngành công thương - Hệ thống hỗ trợ giám sát chất lượng nước - Hệ thống quản lý và quảng bá du lịch - Hệ thống GIS quản lý Cơ sở Tôn giáo & Tín ngưỡng - Ứng dụng GIS quản lý công trình xây dựng - Y tế: Hệ thống GIS (quản lý bệnh truyền nhiễm; quản lý bệnh lây truyền trực tiếp; hỗ trợ quản lý y tế học đường); Ứng dụng Chatbot giải đáp pháp luật trong lĩnh vực khám chữa bệnh với công nghệ AI và NLP hiện đại; AI RAPID chẩn đoán đột quỵ (BV Nhân Dân 115); IBM Watson for Oncology và AI trong xạ trị cá thể hóa (BV Ung Bướu); AI CerviCare sàng lọc ung thư cổ tử cung (BV Hùng Vương), AI EyeDr tầm soát glôcôm (BV Mắt) và AI phát hiện viêm ruột thừa biến chứng (BV Gia Định); Tích hợp Hồ sơ sức khỏe điện tử trên ứng dụng Công dân số Thành phố. - Giáo dục: Ứng dụng GIS trong tuyển sinh đầu cấp; Trợ lý ảo AI hỗ trợ tổng hợp báo cáo; Học bạ số; Tập huấn giáo viên ứng dụng AI; Chương trình dạy STEM, AI cho học sinh; Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số; Thư viện số - Nâng cao chất lượng sống người dân: App Công dân số, ứng dụng TTGT TPHCM, UDI Maps (cung cấp nguồn thông tin hai chiều giữa nhà quản lý và người sử dụng đối với tình trạng ngập úng trên địa bàn thành phố); ứng dụng |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|-----------|--|---|---|
| | | | “Thông tin quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh”; app Go!Bus ; SOS ANTT Công an TPHCM, HELP 114 |
| IV | Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo | | |
| 1 | Vị thế hệ sinh thái ĐMST của Thành phố | - | StartupBlink công bố báo cáo đánh giá hệ sinh thái ĐMST năm 2025, theo đó TP. Hồ Chí Minh xếp vị trí 110/1000 toàn cầu, đạt thứ hạng cao nhất từ trước đến nay, và lần đầu tiên lọt vào Top 5 hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo hàng đầu Đông Nam Á, đặc biệt trong lĩnh vực Fintech với tốc độ tăng trưởng cao và hiện đứng Top 30 toàn cầu về Blockchain – hạng 2 khu vực Đông Nam Á. |
| 2 | Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo | ≥ 100 | Qua khảo sát các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, vườn ươm đang thực hiện các chương trình hỗ trợ, đến nay chưa có số liệu thành lập mới Doanh nghiệp KNST của năm 2025. Hiện chỉ có 1 DN KNST: Công ty cổ phần công nghệ hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa |
| 3 | Số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo (Mỗi năm) | - | Dự kiến 350 dự án |
| 4 | Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo | ≥ 10 | 40 |
| 5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới quy trình, cải tiến mô hình kinh doanh. | $\geq 15\%$ (được hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng, đổi mới quy trình, cải tiến mô hình kinh doanh, chuyển đổi số) | // |
| 6 | Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa (Mỗi năm) | ≥ 20 | |
| 7 | Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố (Mỗi năm) | ≥ 50 | Tính đến tháng 6/2025: Thực hiện hỗ trợ ươm tạo theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND: 233 Dự án (209 dự án tiền ươm tạo/ươm tạt; 24 dự án tăng tốc), tổng kinh phí dự chi: # 22 tỷ đồng |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|----------|---|--|---|
| 8 | Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại Thành phố (Mỗi năm) | ≥ 10 | Tính từ đầu năm đến hết tháng 5/2025: 194 đơn; 45 bằng độc quyền |
| 9 | Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo (Mỗi năm) | ≥ 100 | // |
| 10 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển các với viện/trường | $\geq 10\%$ | // |
| 11 | Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận | ≥ 100 | 15 sáng kiến (số liệu sáng kiến được công nhận tại cơ sở) |
| 5 | Phát triển chuyển đổi số | | |
| 1 | Chỉ số chuyển đổi số cấp thành phố | $\geq 0,60$ | 0.8 |
| 2 | Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền | $\geq 70\%$ | 49,19% (DVCTT toàn trình trên TTHC 907/1844) |
| 3 | Tỷ lệ TTHC liên quan đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh thực hiện trực tuyến | 100% | 100% |
| 4 | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” | $\geq 70\%$ | 658/874 = 75,29% |
| 5 | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa | $\geq 70\%$ | 56,36% (số liệu trên dichvucong.gov.vn) |
| 6 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện | $\geq 80\%$ | 907/1540 tỷ lệ 59% |
| 7 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến | $\geq 70\%$ | 34,62% |
| 8 | Tỷ lệ hệ thống thông tin Thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây | $\geq 40\%$ | 100% |
| 9 | Tỷ lệ CSDL Thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương | $\geq 50\%$ | 56% |
| 10 | Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực/nền tảng chia sẻ dữ liệu | $\geq 60\%$ tích hợp với trực liên thông dữ liệu Thành phố | 12/16 = 75% |
| 11 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số | $\geq 30\%$ | Hiện nay đã khảo sát 2.154 doanh nghiệp tại Phú Nhuận, kết quả khảo sát cho thấy tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cửa hàng bán buôn, bán lẻ có quan tâm được hỗ |

| STT | Chỉ tiêu/Giai đoạn | Đến hết năm 2025 | Kết quả đến tháng 6/2025 |
|-----|--|------------------|--|
| | | | trợ chuyển đổi số chiếm tỷ lệ 56,41% tổng số đã liên hệ, trong khi số lượng đã ứng dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh chỉ chiếm 3,75%. Đang tiến hành khảo sát tất cả các doanh nghiệp NVV trên địa bàn thành phố. |
| 12 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID) | $\geq 50\%$ | 92% |
| 13 | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất | $\geq 60\%$ | Đã triển khai nền tảng liên thông văn bản, điều hành thống nhất đến 100% phường xã. Đang tập huấn sử dụng phần mềm văn bản, điều hành dùng chung vận hành chính thức vào 1/7/2025 |
| 14 | Quy mô kinh tế số trên GRDP | Đạt $\geq 15\%$ | (i) Theo số liệu công bố của Tổng Cục Thống kê: năm 2024 ước đạt 15,85%, năm 2025 ước đạt 17,05%; (ii) Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông: năm 2024 ước đạt 22%, năm 2025 phấn đấu đạt 25%. Hiện, Sở KH-CN đang chủ trì phối hợp lấy ý kiến một số tổ chức, đơn vị và chuyên gia lên phương án rà soát, bổ sung phương pháp đo tỷ trọng kinh tế số cho Thành phố năm 2025 |
| 15 | Ứng dụng thương mại điện tử | Đẩy mạnh | - Đang xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố năm 2025 - Tổ chức Lễ Hội không tiền mặt năm 2025; Hội nghị sơ kết chương trình hợp tác kiểm soát chất lượng hàng hoá (Tick xanh trách nhiệm); phát động Tick xanh trách nhiệm Thương mại điện tử |